| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 13 – PHÚ THỌ**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 30 /2026/HNGĐ -ST
Ngày: 15-6-2026
*V/v: Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Chu Thị Lan Anh
*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Hồng và Ông Trần Ánh Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Bùi Tất Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Chi nhánh Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 179/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2026 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/05/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1997; Trú tại: T, xã C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

- **Bị đơn:** Chị Trịnh Thị S, sinh năm 1992; Trú tại: T, xã C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình cung cấp chứng cứ, nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày*:

Anh và chị Trịnh Thị S kết hôn với nhau ngày 22/01/2019 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình ( nay là UBND xã C, tỉnh Phú Thọ). Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống và khác biệt về tính cách nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân đã bốn năm không quan tâm đến nhau, nay tình cảm vợ chồng không còn. Anh không còn

thương yêu chị S, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh  được ly hôn với chị Trịnh Thị S.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung tên Nguyễn Việt A, sinh ngày 13/3/2019. Được Tòa giải quyết cho ly hôn anh có nguyện vọng để chị S nuôi con. Lúc đầu anh K trình bày  anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S 2.000.000 đồng một tháng, tại phiên tòa anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng một tháng như chị S yêu cầu cho đến khi cháu Việt A trưởng thành đủ 18 tuổi

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản tự khai biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị chị Trịnh Thị S trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, tỉnh Phú Thọ ngày 22/01/2019. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng hai ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K không chịu làm ăn kinh tế, đi làm ăn xa có mối quan hệ với người thứ ba, không có trách nhiệm với gia đình và con chung. Chị đã bắt gặp và có những hình ảnh thể hiện việc anh K không chung thủy. Tuy nhiên chị vẫn còn tình cảm với anh K, chị xin được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung tên Nguyễn Việt A, sinh ngày 13/3/2019. Được Tòa giải quyết cho ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con. Yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con cùng chị 3.000.000 đồng một tháng cho đến khi cháu Việt A trưởng thành đủ 18 tuổi

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 13- Phú Thọ đã tiến hành lấy lời khai của bà Vũ Thị K1, sinh năm 1971- mẹ đẻ chị S:* Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2026 bà K1 cho biết K và S tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng Khương S1 về chung sống cùng gia đình ông bà ở H, Hà Nội. C sống được một thời gian khoảng năm 2002 thì K tự ý bỏ đi không chung sống cùng S1 nữa. Bà không biết vì sao K bỏ đi, không rõ hai vợ chồng còn quan tâm, liên lạc với nhau không. Tuy nhiên mỗi dịp lễ tết hoặc gia đình nhà chồng có việc S1 vẫn thường xuyên về thăm hỏi, phụ giúp. Bà mong muốn K, S1 đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng để cháu Việt A có đầy đủ tình cảm và sự chăm sóc của bố mẹ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2026 ông Nguyễn Văn K2 - bố đẻ anh K cho biết K và S1 đăng ký kết hôn năm 2019. Sau khi kết hôn một thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn còn nguyên nhân mâu thuẫn là gì ông không biết. Vợ chồng K, S1 sống ly

thân đã bốn năm không quan tâm đến nhau. Hai năm gần đây khi nhà ông có việc và vào các dịp lễ tết không thấy S1 về thăm hỏi hay tham gia giúp việc bên chồng nữa. Ông có biết việc K làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn với S1, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên cho rằng Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật đúng theo quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất đã tống đạt cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn K

+ Xử cho anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị trịnh Thị S..

+ Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 13/3/2019 cho đến khi cháu Việt A trưởng thành đủ 18 tuổi. anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S 3.000.000 đồng một tháng, kể từ tháng 7/2026 cho đến khi cháu Việt A trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh K có quyền thăm con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Anh K, chị S có quyền thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh Trịnh Văn K3 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K xin ly hôn chị Trịnh Thị S có HKTT: Thôn T, xã C tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K và chị Trịnh Thị S kết hôn với nhau ngày 22/01/2019 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình ( nay là UBND xã C, tỉnh Phú Thọ) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh K trình bày quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống và khác biệt về tính cách nên vợ chồng thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn, đôi khi còn đánh chửi nhau. Anh chị sống ly thân đến nay được bốn năm không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng anh đã rất trầm trọng không thể khắc phục được, anh không còn thương yêu chị S, anh cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trịnh Thị S. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Trịnh Thị S xác nhận thời gian điều kiện kết hôn như anh K trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng chị là do anh K không chịu làm ăn kinh tế, đi làm ăn xa có mối quan hệ với người thứ ba, không có trách nhiệm với gia đình và con chung. Tuy nhiên chị vẫn còn tình cảm với anh K nên chị xin đoàn tụ gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy anh K và chị S sống ly thân đã được bốn năm không quan tâm đến nhau. Chị S xin đoàn tụ gia đình nhưng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn gia đình, anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Như vậy hôn nhân giữa anh K và chị S đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể khắc phục được, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, 57,58 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Nguyễn Văn K và chị Trịnh Thị S được ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung tên Nguyễn Việt

A, sinh ngày 13/3/2019. Được Tòa giải quyết cho ly hôn chị S có nguyện vọng nuôi con, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con cùng chị 3.000.000 đồng một tháng cho đến khi cháu Việt A trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh K cũng đồng ý giao con cho chị S nuôi dưỡng nhưng anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S 2.000.000 đồng một tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng một tháng như chị S yêu cầu.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Việt A còn nhỏ cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Anh K, chị S thống nhất để chị S nuôi con, anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S. Tuy nhiên thời gian đầu anh chị chưa thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S 3.000.000 đồng một tháng như chị S yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cho chị Trịnh Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu  Nguyễn Việt A, sinh ngày 13/3/2019 cho đến khi cháu Việt A trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S 3.000.000 đồng một tháng, kể từ tháng 7/2026 cho đến khi cháu Việt A trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh K có quyền thăm con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Anh K, chị S có quyền thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Không có và anh K không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về công nợ chung: Không có và anh K không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải nộp 300.000 đồng án phí  ly hôn sơ thẩm  và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58,  Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn K:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Trịnh Thị S.

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Việt A, sinh ngày 13/3/2019 cho đến khi cháu Việt A trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S 3.000.000 đồng một tháng, kể từ tháng 7/2026 cho đến khi cháu Việt A trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh K có quyền thăm con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Anh K, chị S có quyền thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002719 ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Anh K tự nguyện nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thười hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án DS tỉnh Phú Thọ;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 13 - Phú Thọ;
- UBND xã Cao Dương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( Đà ký)

**Chu Thị Lan Anh**